Chi tiết mã HS 2912.11.00

Mã HS	2912.11.00
Mô tả hàng hóa	Aldehyt, có hoặc không có chức oxy khác; polyme mạch vòng của aldehyt; paraformaldehyt / - Aldehyt mạch hở không có chức oxy khác: / - - Metanal (formaldehyt)
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 05:05:55
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29121100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4000
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4000
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4000
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3945
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3906
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3906
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3906
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3906
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3906
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3906
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3944
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3944

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3944
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3944
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3944
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3944
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3948
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3948
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3948
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3948
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3948
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3948
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3948
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3912
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3908
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3908
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3908
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3908
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3908
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3908
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3908
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3908
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3908
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3908
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3908
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3908
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3955
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3955

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3955
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3955
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3955
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3955
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3952
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3952
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3952
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3952
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3952
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3952
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3960
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3960
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3960
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3960
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3960
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3960
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3931
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3931
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3931
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3931
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3931
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3931
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3933
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3933
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3933
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3933

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3933
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3933
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3931
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3931
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3931
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3931
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3931
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3931
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3931
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3952
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3952
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3952
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3952
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3952
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3952
RCEP B	2022	2022	0	B!D3952
RCEP B	2023	2023	0	B!E3952
RCEP B	2024	2024	0	B!F3952
RCEP B	2025	2025	0	B!G3952
RCEP B	2026	2026	0	B!H3952
RCEP B	2027	2027	0	B!I3952
RCEP C	2022	2022	0	C!D3952
RCEP C	2023	2023	0	C!E3952
RCEP C	2024	2024	0	C!F3952
RCEP C	2025	2025	0	C!G3952
RCEP C	2026	2026	0	C!H3952

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3952
RCEP D	2022	2022	0	D!D3952
RCEP D	2023	2023	0	D!E3952
RCEP D	2024	2024	0	D!F3952
RCEP D	2025	2025	0	D!G3952
RCEP D	2026	2026	0	D!H3952
RCEP D	2027	2027	0	D!I3952
RCEP E	2022	2022	0	E!D3955
RCEP E	2023	2023	0	E!E3955
RCEP E	2024	2024	0	E!F3955
RCEP E	2025	2025	0	E!G3955
RCEP E	2026	2026	0	E!H3955
RCEP E	2027	2027	0	E!I3955
RCEP F	2022	2022	0	F!D3952
RCEP F	2023	2023	0	F!E3952
RCEP F	2024	2024	0	F!F3952
RCEP F	2025	2025	0	F!G3952
RCEP F	2026	2026	0	F!H3952
RCEP F	2027	2027	0	F!I3952
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F3627
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G3627
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H3627
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I3627

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 2912.11.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 2912.11.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2912.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 2912.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4000), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.